

Số: 285/2025/QĐST-LĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 390/2025/TLST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 241/2025/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2025/QĐST-LĐ ngày 21/11/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; thường trú: B, xã M, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Minh V, sinh năm 1999; thường trú: Tổ B, khu phố A, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là: Phường Q, tỉnh Gia Lai); địa chỉ liên hệ: C N, Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997; thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH M; trụ sở: Thửa đất số 622, tờ bản đồ số 24, đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là: Phường B, Thành phố T, tỉnh Bình Dương), vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu, bản trình bày ý kiến bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1989; căn cước công dân số 038189041155 cấp ngày 15/10/2022, do có nhu cầu rút Bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện hồ sơ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty TNHH M từ tháng 09/2012 đến tháng 3/2013.

Nguyên nhân trùng vì bà Nguyễn Thị T có cho bà Nguyễn Thị T1 (là em ruột của bà T) mượn CMND và thông tin của bà Nguyễn Thị T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và làm việc tại đây từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2013, tham gia BHXH với mã số 7412256152, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ lao động, hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội của bà T1 tại Công ty TNHH M đều mang tên của bà Nguyễn Thị T. Thời gian bà T1 làm việc tại Công ty TNHH M thì bà Nguyễn Thị T đang làm việc tại Công ty TNHH G; địa chỉ: Số A, V, đường số B, Khu công nghiệp V-S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh), có tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH số 7411003018, thời gian làm từ tháng 07/2011 đến tháng 03/2013.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T1 và Công ty TNHH M là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp ký kết) và Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 7/2013 vô hiệu.*

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với thời gian bà T1 tham gia BHXH, trường hợp có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc cho mượn thông tin này bà T chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định.

- Tại bản trình bày ý kiến, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị T là chị em ruột, vào thời điểm năm 2012 do bà T1 chưa đáp ứng đủ điều kiện về tuổi để ký kết hợp đồng lao động và không hiểu biết về pháp luật nên có mượn chứng minh dân dân của bà Nguyễn Thị T để bổ sung vào hồ sơ xin việc, sau đó ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và làm việc tại đây từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2013, tham gia bảo hiểm xã hội mã số: 7412256152, sau đó nghỉ việc tại công ty này. Thời điểm nêu trên, bà T đang làm việc tại công ty khác, tham gia Bảo hiểm xã hội và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội với mã số khác, vì vậy bà T đã bị đóng trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2012 đến tháng 3/2013. Do đó, bà Nguyễn Thị T đã không làm được thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần. Mặt khác, do thời gian đã lâu, Hợp đồng lao động và Quyết định nghỉ việc tại Công ty TNHH M đã bị thất lạc nên bà T không cung cấp cho Tòa án được.

Nay, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp ký kết) và Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 7/2013 vô hiệu* thì bà T1 đồng ý.

Đồng thời, do bà T1 đang sinh sống ở xa, hoàn cảnh khó khăn không có khả năng chi trả chi phí đi lại nên không thể tham gia tố tụng. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T1 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ việc. Đồng thời, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không có yêu cầu độc lập gì

trong vụ việc. Đối với thời gian bà T1 tham gia BHXH, trường hợp có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc cho mượn thông tin này bà T1 chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định.

- Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin tóm tắt như sau: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1989, căn cước công dân 038189041155, chứng minh nhân dân số 173575211 có quá trình tham gia bảo hiểm như sau:

Tham gia Bảo hiểm xã hội tại với mã số 7412256152 tại Công ty TNHH M, thời gian từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 7 năm 2013, chưa được chốt sổ bảo lưu, tính đến ngày 31/10/2025 Công ty TNHH M không nợ tiền BHXH.

Tham gia Bảo hiểm xã hội tại với mã số 7411003018 tại Công ty TNHH G và các công ty khác. Thời gian tham gia BHXH tại Công ty TNHH G từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 3 năm 2013.

Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được vắng mặt quá trình giải quyết vụ việc.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời khai của bà Nguyễn Thị T, bà Ngô Linh L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 03/2013, người lao động Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1989; căn cước công dân số 038189041155 cấp ngày 15/10/2022, làm việc tại Công ty TNHH G; địa chỉ: Số A, V, đường số B, Khu công nghiệp V-S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh), có tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH số 7411003018.

Bà T, bà T1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và thực tế làm việc tại đây trong khoảng thời gian từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2013 là

bà Nguyễn Thị T1 do bà T1 đã sử dụng thông tin của bà T để ký kết hợp đồng lao động và tham gia BHXH với mã số 7412256152. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 09/2012 đến tháng 7/2013 không phải bà Nguyễn Thị T. Việc bà T1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Căn cứ theo Thông tin cung cấp từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T bị trùng thời gian từ tháng 09/2012 đến tháng 3/2013.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu: *Tuyên bố hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp ký kết) và Công ty TNHH M vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH M (theo sổ bảo hiểm xã hội có mã số 7412256152) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412256152 không phải là bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/02/1989; căn cước công dân số 038189041155 cấp ngày 15/10/2022.

Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của

pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0033340 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh